

Số: 04 /QD-CDKTKTTS-CTHSSV

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v cấp học bổng khuyến khích học tập
Kỳ II năm học 2024-2025 cho sinh viên các lớp hệ cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THỦY SẢN

Căn cứ Quyết định số 4368/QĐ-BNN-TCCB ngày 30/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục “Quy định về cấp học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách và miễn, giảm giá vé dịch vụ công cộng cho học sinh, sinh viên”

Căn cứ kết quả điểm trung bình chung học tập, điểm rèn luyện của sinh viên học kỳ I năm học 2024-2025;

Theo đề nghị của Trường phòng Công tác học sinh, sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2024-2025 cho sinh viên các lớp hệ cao đẳng. (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Thời gian được cấp học bổng là 5 tháng từ ngày 01/03/2025 đến hết ngày 31/07/2025.

Điều 3. Các ông (bà) Trường phòng: Công tác học sinh, sinh viên, Tài chính kế toán, Đào tạo, Giáo viên chủ nhiệm các lớp và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính kế toán;
- Các Khoa liên quan;
- Dưa Website Nhà trường;
- Lưu: CTHSSV, VT.



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ,
KỸ THUẬT VÀ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

Ngành: Kế toán

(Kèm theo quyết định số: 04 /CDKTKTTS-CTHSSV ngày 14 tháng 4 năm 2025)

TT	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm TBC		Điểm rèn luyện		Xếp loại học bổng	Số tiền/ tháng	Số tháng	Định mức hưởng	Thành tiền	Lớp	Khóa
				Qui đổi	Xếp loại	Bảng số	Xếp loại							
1	Nguyễn Thị	Huyền	20/02/2005	2.59	Khá	80	Tốt	Khá	1.000.000	5	100%	5.000.000	236KTTH2	Khóa 17
2	Thân Thị	Mừng	05/09/2005	3.12	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1.000.000	5	120%	6.000.000	236KTTH2	Khóa 17
3	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	16/02/2006	3.00	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1.000.000	5	120%	6.000.000	246KTTH2	Khóa 18
4	Vũ Nguyễn Mạnh	Tuân	22/11/2006	3.14	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1.000.000	5	120%	6.000.000	246KTTH2	Khóa 18
5	Hoàng Thanh	Trọng	06/07/2006	3.14	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1.000.000	5	120%	6.000.000	246KTTH2	Khóa 18
6	Nguyễn Lan	Anh	08/06/2006	2.50	Khá	80	Tốt	Khá	1.000.000	5	100%	5.000.000	246KTTH3	Khóa 18
7	Nguyễn Ngọc	Hà	10/09/2006	2.50	Khá	80	Tốt	Khá	1.000.000	5	100%	5.000.000	246KTTH3	Khóa 18
8	Phạm Trường	Lâm	02/09/2005	3.00	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1.000.000	5	120%	6.000.000	246KTTH3	Khóa 18
9	Dương Thanh	Thủy	05/01/2006	2.50	Khá	80	Tốt	Khá	1.000.000	5	100%	5.000.000	246KTTH3	Khóa 18
10	Nguyễn Đình	Công	19/06/2006	2.71	Khá	80	Tốt	Khá	1.000.000	5	100%	5.000.000	246KTTH4	Khóa 18
11	Nguyễn Thị	Tuyền	16/12/1992	2.71	Khá	80	Tốt	Khá	1.000.000	5	100%	5.000.000	246KTTH4	Khóa 18
12	Ngô Xuân	Vinh	12/10/2005	2.71	Khá	80	Tốt	Khá	1.000.000	5	100%	5.000.000	246KTTH4	Khóa 18
Tổng												65.000.000		

NGƯỜI LẬP

Trần Thị An

TP.CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN

ThS. Đỗ Văn Sơn



HIỆN TRƯỞNG

TS. Bùi Thị Hạnh

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ,
KỸ THUẬT VÀ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

Ngành: Công nghệ thông tin

(Kèm theo quyết định số: **04** /CDKTKITS-CTHSSV ngày **14** tháng **4** năm 2025)

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm TBC		Điểm rèn luyện		Xếp loại học bổng	Số tiền/ tháng	Số tháng	Định mức hưởng	Thành tiền	Lớp	Khóa
			Qui đổi	Xếp loại	Bảng số	Xếp loại							
1	Nguyễn Giang Duy	18/10/2006	2.50	Khá	80	Tốt	Khá	1,360,000	5	100%	6.800,000	246CNTT1	Khóa 18
2	Lê Thanh Triệu	08/08/2005	2.50	Khá	80	Tốt	Khá	1,360,000	5	100%	6.800,000	246CNTT1	Khóa 18
3	Nguyễn Văn Trường	08/10/2006	2.50	Khá	80	Tốt	Khá	1,360,000	5	100%	6.800,000	246CNTT1	Khóa 18
Tổng											20,400,000		

NGƯỜI LẬP

Trần Thị An

TP.CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN

ThS. Đỗ Văn Sơn



THỰC TRƯỞNG

TS. Bùi Thị Hạnh

**BẢNG DỰ THẢO CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP CHO SINH VIÊN
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025**

TT	Tên ngành	Dự chi theo ngành	Điểm sàn	Xếp loại	Số SV được cấp	Số tiền/tháng	Định mức hưởng	Số tháng hưởng	Tổng	Ghi chú
1	Ngành Kế toán	65,000,000	3.00	Giỏi	5	1,000,000	120%	5	30,000,000	
			2.50	Khá	7	1,000,000	100%	5	35,000,000	
2	Ngành Công nghệ thông tin	20,400,000	2.50	Khá	3	1,360,000	100%	5	20,400,000	
Tổng		85,400,000			15	Dự chi học bổng			85,400,000	

P. CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN



ThS. Đỗ Văn Sơn

P. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



ThS. Ngô Thị Bích Thủy

